

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Văn Năng

2/- Bà Trần Thị Quế Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1993(có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm: 1989(vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện V/v xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 15/10/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không lo

làm ăn, gây nợ nần và tự động bỏ đi, sau đó chị và anh N có gặp nhau và quyết định sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 10/12/2013. Hiện cháu T đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2019 bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị Nguyễn Thị Kim N về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày, do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị N, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị N nhưng do chị N một mực cương quyết ly hôn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 10/12/2013. Hiện cháu T đang sống với chị N. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thành N là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thành N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thành N kết hôn vào năm 2012, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N và anh N chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần theo chị N trình bày nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không lo làm ăn, gây nợ nần và tự động bỏ đi, sau đó chị và anh N có gặp nhau và quyết định sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Về phía anh N tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2019, anh cũng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm nhưng chị ngân cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Xét thấy quá trình chung sống hạnh phúc không lâu đã phát sinh mâu thuẫn, tuy mâu thuẫn không lớn, song thời gian ly thân từ tháng 10/2018 đến nay hai bên không tạo điều kiện gì để hàn gắn lại quan hệ tình cảm, tại phiên tòa chị N cương quyết xin được ly hôn, còn phía anh N qua 2 lần mời hòa giải anh đều vắng mặt, tuy nhiên qua ghi lời khai anh cũng đồng ý ly hôn. Do đó, khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 10/12/2013. Hiện cháu T đang sống với chị N về cuộc sống vật chất và tinh thần đã tạm ổn định, anh N cũng đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con. Do đó nghĩ nên để chị N được tiếp tục nuôi con là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Kim N**.
Chị **Nguyễn Thị Kim N** được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 10/12/2013. Anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh N, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013919 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2019). Anh Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);

- VKSND huyện Châu Thành;

- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;

- THA.DS huyện;

- Cơ quan đăng ký kết hôn;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa